

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT



Địa chỉ: Số 06, Trần Văn Ôn, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại: (0274) 3822518 Fax: 0274 3837 150
Website: www.tdmu.edu.vn

QUY TRÌNH
XÂY DỰNG MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã số: **QT/BQLĐTĐH/14**

Ban hành lần:

Hiệu lực từ ngày :/...../.....

 <p>TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT 1976 THU DẦU MỘT UNIVERSITY</p>	QUY TRÌNH XÂY DỰNG MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	Mã số: QT/BQLĐTĐH/14 Lần ban hành: 01 Ngày hiệu lực:
---	--	--

Theo dõi sửa chữa/bổ sung tài liệu

Ngày	Vị trí	Nội dung sửa đổi	Ghi chú

Phân phối tài liệu

TT	Đơn vị
1	Hội đồng Trường
2	Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường
3	Ban Quản lý Đào tạo Đại học
4	Ban Tổ chức nhân sự, thanh tra và pháp chế
5	Ban Kế hoạch và cơ sở vật chất, kỹ thuật
6	Ban Chăm sóc và hỗ trợ người học
7	Ban Khảo thí, kiểm định và đảm bảo chất lượng.
8	Ban Thư viện và học liệu
9	Ban Khoa học và hợp tác quốc tế
10	Ban Tuyển sinh và truyền thông
11	Đơn vị đào tạo

 <p>TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT 1976 THU DAU MOT UNIVERSITY</p>	QUY TRÌNH XÂY DỰNG MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	Mã số: QT/BQLĐTĐH/14 Lần ban hành: 01 Ngày hiệu lực:
---	--	--

1. MỤC ĐÍCH

Quy trình xây dựng chương trình đào tạo nhằm giúp các đơn vị liên quan có thể phối hợp chặt chẽ nhằm có được những chương trình đào tạo chất lượng tốt cho sinh viên, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

Đảm bảo việc xây dựng mới chương trình đào tạo đúng yêu cầu, trình tự, phù hợp với quy định hiện hành.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy trình này áp dụng cho Ban Quản lý Đào tạo Đại học và các Ban chức năng, các Trường/Khoa/Viện đào tạo.

3. TÀI LIỆU THAM CHIẾU

Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư 08/2021/TT- BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Thông tư 09/2022/TT- BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Quyết định số 1774/QĐ-ĐHTDM ngày 17/11/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ;

Quyết định số 1342/QĐ-ĐHTDM ngày 27/11/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1774/QĐ-ĐHTDM ngày 17/11/2021 của Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ.

- Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

4. THUẬT NGỮ, ĐỊNH NGHĨA VÀ TỪ VIẾT TẮT

4.1. Thuật ngữ, định nghĩa

Chương trình đào tạo là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

 <p>TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT 1976 THỦ DẦU MỘT UNIVERSITY</p>	QUY TRÌNH XÂY DỰNG MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	Mã số: QT/BQLĐTĐH/14 Lần ban hành: 01 Ngày hiệu lực:
---	--	--

Chuẩn chương trình đào tạo của một trình độ giáo dục đại học là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả chương trình đào tạo của các ngành (các nhóm ngành, lĩnh vực) ở trình độ đó; bao gồm yêu cầu về mục tiêu, chuẩn đầu ra (hay yêu cầu đầu ra), chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào), khối lượng học tập tối thiểu, cấu trúc và nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, các điều kiện thực hiện chương trình để bảo đảm chất lượng đào tạo.

Chuẩn chương trình đào tạo của một ngành (hoặc của một nhóm ngành, một lĩnh vực) ở một trình độ là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả chương trình đào tạo của ngành đó (hoặc nhóm ngành, lĩnh vực đó), phù hợp với chuẩn chương trình đào tạo trình độ tương ứng.

Chuẩn đầu ra là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.

Chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào) của một chương trình đào tạo là những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm mà người học cần có để theo học chương trình đào tạo.

Bản mô tả Chương trình đào tạo là tài liệu cung cấp thông tin về Chương trình đào tạo của nhà Trường. Bản mô tả Chương trình đào tạo thường bao gồm các nội dung sau: Tóm tắt mục tiêu đào tạo và kết quả học tập dự kiến; cấu trúc khóa học; ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT.

Đề cương chi tiết học phần là tài liệu do giảng viên/ nhóm giảng viên biên soạn để cung cấp cho người học trước khi giảng dạy môn học, gồm có các nội dung chủ yếu sau đây: thông tin về giảng viên, thông tin chung về môn học, mục tiêu của môn học, tóm tắt nội dung môn học, chuẩn đầu ra, nội dung môn học, học liệu, hình thức tổ chức giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá và các yêu cầu khác của giảng viên (nếu có).

Kiến thức đại cương là những kiến thức phổ thông nâng cao và là những kiến thức nền tảng để tiếp thu và phát triển kiến thức của một lĩnh vực khoa học kỹ thuật.

Kiến thức cơ sở ngành là những kiến thức nền tảng của một ngành khoa học.

Kiến thức chuyên ngành là những kiến thức chuyên về một chuyên sâu ngành của một ngành khoa học.

Đơn vị đào tạo là các đơn vị có chức năng đào tạo và quản lý sinh viên thuộc Trường Đại học Thủ Dầu Một.

4.2. Từ viết tắt

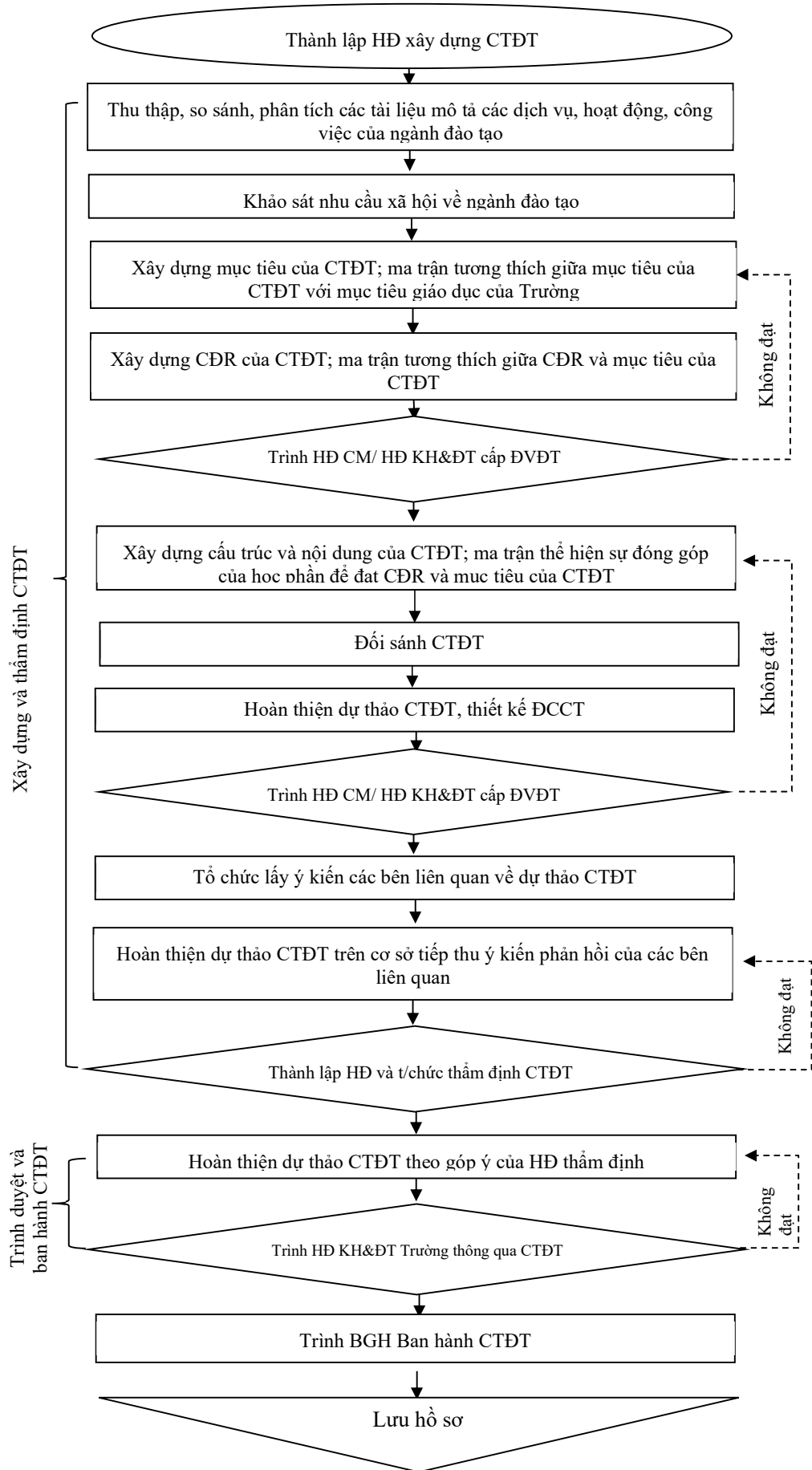
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
HĐT	Hội đồng Trường
HĐ	Hội đồng

 <p>TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT 1976 THU DAU MOT UNIVERSITY</p>	QUY TRÌNH XÂY DỰNG MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	Mã số: QT/BQLĐTĐH/14 Lần ban hành: 01 Ngày hiệu lực:
---	--	--

HD KH&ĐT	Hội đồng Khoa học và Đào tạo
BGH	Ban Giám hiệu
ĐVĐT	Đơn vị đào tạo
BTCNSTT&PC	Ban Tổ chức nhân sự, thanh tra và pháp chế
BKH&CSVCKT	Ban kế hoạch và cơ sở vật chất, kỹ thuật
BQLĐTĐH	Ban quản lý Đào tạo Đại học
BCS&HTNH	Ban chăm sóc và hỗ trợ người học
BKTKĐ&ĐBCL	Ban khảo thí, kiểm định và đảm bảo chất lượng.
QĐ	Quyết định
CTĐT	Chương trình đào tạo
CĐR	Chuẩn đầu ra
CĐV	Chuẩn đầu vào
BM	Bộ môn

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1. Lưu đồ các bước chính



 <p>TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT 1976 THU DẦU MỘT UNIVERSITY</p>	QUY TRÌNH XÂY DỰNG MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	Mã số: QT/BQLĐTĐH/14 Lần ban hành: 01 Ngày hiệu lực:
---	--	--

5.2. Mô tả

TT	Nội dung công việc	Thời hạn hoàn thành	Người chịu trách nhiệm chính	Đơn vị phối hợp	Biểu mẫu/ hồ sơ Minh chứng
1	Thành lập HĐ xây dựng CTĐT - ĐVĐT gửi đề xuất danh sách HĐ xây dựng CTĐT; - Ban QLĐTĐH tham mưu trình ký QĐ thành lập HĐ xây dựng CTĐT. (Yêu cầu về thành phần của Hội đồng (theo khoản 1, 2, điều 17, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021)	2 ngày	BQLĐTĐH	ĐVĐT	- Đề xuất danh sách HĐ xây dựng CTĐT (BM01); - QĐ thành lập HĐ xây dựng CTĐT
2	Thu thập, biên dịch, so sánh, phân tích các tài liệu mô tả các dịch vụ hoạt động, công việc của ngành đào tạo: - Thu thập, rà soát, biên dịch, phân tích các tài liệu mô tả các dịch vụ, hoạt động, công việc của ngành đào tạo của một số quốc gia trên thế giới; - Thu thập, rà soát, tổng hợp các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam liên quan tới nghề nghiệp ngành đào tạo; - Đối chiếu với kết quả phân tích tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của loại nhân lực ngành đào tạo tại Việt Nam, so	1 tháng	HĐ xây dựng CTĐT	BQLĐTĐH	Báo cáo kết quả

 <p>TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT 1976 THU DẦU MỘT UNIVERSITY</p>	QUY TRÌNH XÂY DỰNG MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	Mã số: QT/BQLĐTĐH/14 Lần ban hành: 01 Ngày hiệu lực:
---	--	--

TT	Nội dung công việc	Thời hạn hoàn thành	Người chịu trách nhiệm chính	Đơn vị phối hợp	Biểu mẫu/ hồ sơ Minh chứng
	sánh điểm giống và khác nhau.				
3	Khảo sát nhu cầu xã hội về ngành đào tạo: - Khảo sát nhu cầu tuyển dụng của nhà tuyển dụng đối với ngành ĐT; nhu cầu đào tạo của người học tiềm năng; - Khảo sát yêu cầu của nhà tuyển dụng đối với sinh viên sau khi tốt nghiệp; - Khảo sát bằng bảng hỏi/email (hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến): + Phiếu khảo sát đơn vị sử dụng lao động + Phiếu khảo sát chuyên gia + Phiếu khảo sát người học tiềm năng		HĐ xây dựng CTĐT	BKTKĐ&ĐBCL; BQLĐTĐH	- Phiếu khảo sát; - Báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu của thị trường lao động về ngành đào tạo
4	Xây dựng mục tiêu của CTĐT; ma trận tương thích giữa mục tiêu của CTĐT với mục tiêu giáo dục của Trường, Khung trình độ quốc gia của Bộ Giáo dục và đào tạo <i>(Mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT đáp ứng quy định tại Điều 4, 5, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021)</i>	3 tháng	HĐ xây dựng CTĐT	BQLĐTĐH	Các Biên bản họp HĐ xây dựng CTĐT (BM02)

 <p>TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT 1976 THU DẦU MỘT UNIVERSITY</p>	QUY TRÌNH XÂY DỰNG MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	Mã số: QT/BQLĐTĐH/14 Lần ban hành: 01 Ngày hiệu lực:
---	--	--

TT	Nội dung công việc	Thời hạn hoàn thành	Người chịu trách nhiệm chính	Đơn vị phối hợp	Biểu mẫu/ hồ sơ Minh chứng
5	Xây dựng CDR của CTĐT; ma trận tương thích giữa CDR và mục tiêu của CTĐT <i>(Mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT đáp ứng quy định tại Điều 4, 5, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021)</i>		HĐ xây dựng CTĐT	BQLĐTĐH	
6	Trình HĐ CM/ HĐ KH&ĐT cấp ĐVĐT thông qua dự thảo Mục tiêu và CDR của CTĐT Không đạt: thực hiện lại bước 4		HĐ xây dựng CTĐT	BQLĐTĐH	Biên bản và kết luận của HĐ CM/ HĐ KH&ĐT cấp ĐVĐT
7	Xây dựng khung CTĐT; ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần để đạt CDR và mục tiêu của CTĐT <i>(Cấu trúc và nội dung CTĐT, CTDH đáp ứng quy định tại Điều 8, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021, và các quy định hiện hành của Trường Đại học Thủ Dầu Một)</i>		HĐ xây dựng CTĐT	BQLĐTĐH	Biên bản họp HĐ xây dựng CTĐT (BM02)
8	Đối sánh CTĐT <i>Xác định 02 CTĐT quốc tế và ít nhất 02 CTĐT trong nước để đối sánh. Thực hiện đối sánh CTĐT cùng trình độ, cùng ngành của CSĐT</i>		HĐ xây dựng CTĐT	BQLĐTĐH	Bảng đối sánh CTĐT (BM03)

 <p>TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT 1976 THU DAU MOT UNIVERSITY</p>	QUY TRÌNH XÂY DỰNG MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	Mã số: QT/BQLĐTĐH/14 Lần ban hành: 01 Ngày hiệu lực:
---	--	--

TT	Nội dung công việc	Thời hạn hoàn thành	Người chịu trách nhiệm chính	Đơn vị phối hợp	Biểu mẫu/ hồ sơ Minh chứng
	<i>khác ở trong nước và nước ngoài (đã được kiểm định chất lượng hoặc đã được xếp hạng)</i>				
9	Hoàn thiện dự thảo CTĐT và Thiết kế ĐCCT học phần theo CTĐT đã xác định và hoàn thiện hệ thống học liệu bao gồm: tài liệu điện tử (nếu có) và tài liệu giấy theo mô tả ĐCCT.		HD xây dựng CTĐT	BQLĐTĐH	CTĐT (BM04), ĐCCT (BM05)
10	Trình HD CM/ HD KH&ĐT cấp ĐVĐT thông qua dự thảo CTĐT Không đạt: thực hiện lại bước 7		HD xây dựng CTĐT	BQLĐTĐH	Biên bản và kết luận của HD CM/ HD KH&ĐT cấp ĐVĐT
11	Tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về dự thảo CTĐT <i>(Yêu cầu về thành phần tham dự theo điều 17, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021)</i>		BKTKĐ&ĐBCL HD xây dựng CTĐT	BQLĐTĐH	- Kế hoạch tổ chức/tài liệu tổ chức hội thảo/tọa đàm; - Biên bản hội thảo/tọa đàm
12	Hoàn thiện dự thảo CTĐT trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan		HD xây dựng CTĐT	BQLĐTĐH	Bản dự thảo CTĐT

 <p>TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT 1976 THU DẦU MỘT UNIVERSITY</p>	QUY TRÌNH XÂY DỰNG MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	Mã số: QT/BQLĐTĐH/14 Lần ban hành: 01 Ngày hiệu lực:
---	--	--

TT	Nội dung công việc	Thời hạn hoàn thành	Người chịu trách nhiệm chính	Đơn vị phối hợp	Biểu mẫu/ hồ sơ Minh chứng
13	Thành lập HĐ thẩm định CTĐT và tổ chức thẩm định CTĐT - Đơn vị đào tạo đề xuất Danh sách HĐ thẩm định CTĐT; - BQLĐTĐH tham mưu Hiệu trưởng ký ban hành QĐ thành lập HĐ thẩm định CTĐT; - HĐ thẩm định CTĐT tổ chức thẩm định CTĐT. Không đạt: thực hiện lại bước 12		HĐ xây dựng CTĐT	BQLĐTĐH	BM06 BM07 BM08 - QĐ thành lập HĐ thẩm định CTĐT
14	Hoàn thiện dự thảo CTĐT theo góp ý của HĐ thẩm định CTĐT - Bản dự thảo CTĐT đã chỉnh sửa; - Báo cáo giải trình, bổ sung CTĐT theo kết luận của HĐ thẩm định CTĐT; - Bản mô tả CTĐT, CTDH (theo mẫu).		HĐ xây dựng CTĐT	BQLĐTĐH	BM09 BM10
15	Trình HĐ KH&ĐT Trường thông qua CTĐT - HĐ xây dựng CTĐT nộp toàn bộ Hồ sơ xây dựng CTĐT về Ban QLĐTĐH;	5 ngày	BQLĐTĐH		Biên bản và kết luận của HĐ KH&ĐT Trường về CTĐT

 <p>TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT 1976 THU DẦU MỘT UNIVERSITY</p>	QUY TRÌNH XÂY DỰNG MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	Mã số: QT/BQLĐTĐH/14 Lần ban hành: 01 Ngày hiệu lực:
---	--	--

TT	Nội dung công việc	Thời hạn hoàn thành	Người chịu trách nhiệm chính	Đơn vị phối hợp	Biểu mẫu/ hồ sơ Minh chứng
	- Ban QL ĐTĐH rà soát, kiểm tra và trình HĐ KH&ĐT. Không đạt: thực hiện lại bước 14				
16	Trình BGH và Ban hành CTĐT	2 ngày	BQLĐTĐH Hiệu trưởng		QĐ ban hành CTĐT
17	Lưu hồ sơ theo quy định		BQLĐTĐH ĐVĐT		

6. BIỂU MẪU ÁP DỤNG

TT	Tên biểu mẫu	Mã số (nếu có)	Thời gian lưu tối thiểu	Nơi lưu
1	Đề xuất Danh sách HĐ Xây dựng CTĐT	QT/BQLĐTĐH/14/BM01	5 năm (dự kiến theo 1 chu kỳ kiểm định)	BQLĐTĐH, Trường/Khoa/Viện, Bộ môn
2	Biên bản họp của HĐ xây dựng CTĐT thống nhất Mục tiêu, CDR, cấu trúc và nội dung của CTĐT	QT/BQLĐTĐH/14/BM02	5 năm (dự kiến theo 1 chu kỳ kiểm định)	BQLĐTĐH, Trường/Khoa/Viện, Bộ môn
3	Biên bản họp Đối sánh CTĐT Bảng đối sánh CTĐT	QT/BQLĐTĐH/14/BM03	5 năm (dự kiến theo 1 chu kỳ kiểm định)	BQLĐTĐH, Trường/Khoa/Viện, Bộ môn
4	Chương trình đào tạo	QT/BQLĐTĐH/14/BM04	5 năm (dự kiến theo 1 chu kỳ kiểm định)	BQLĐTĐH, Trường/Khoa/Viện, Bộ môn

 <p>TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT 1976 THU DẦU MỘT UNIVERSITY</p>	QUY TRÌNH XÂY DỰNG MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	Mã số: QT/BQLĐTĐH/14 Lần ban hành: 01 Ngày hiệu lực:
---	--	--

TT	Tên biểu mẫu	Mã số (nếu có)	Thời gian lưu tối thiểu	Nơi lưu
5	Đề cương chi tiết học phần	QT/BQLĐTĐH/14/BM05	5 năm (dự kiến theo 1 chu kỳ kiểm định)	BQLĐTĐH, Trường/Khoa/Viện, Bộ môn
6	Đề xuất Danh sách HĐ thẩm định CTĐT	QT/BQLĐTĐH/14/BM06	5 năm (dự kiến theo 1 chu kỳ kiểm định)	BQLĐTĐH, Trường/Khoa/Viện, Bộ môn
7	Phiếu nhận xét, đánh giá của thành viên thẩm định CTĐT	QT/BQLĐTĐH/14/BM07	5 năm (dự kiến theo 1 chu kỳ kiểm định)	BQLĐTĐH, Trường/Khoa/Viện, Bộ môn
8	Biên bản họp thẩm định CTĐT	QT/BQLĐTĐH/14/BM08	5 năm (dự kiến theo 1 chu kỳ kiểm định)	BQLĐTĐH, Trường/Khoa/Viện, Bộ môn
9	Báo cáo Giải trình chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo	QT/BQLĐTĐH/14/BM09	5 năm (dự kiến theo 1 chu kỳ kiểm định)	BQLĐTĐH, Trường/Khoa/Viện, Bộ môn
10	Bản mô tả CTĐT	QT/BQLĐTĐH/14/BM10	5 năm (dự kiến theo 1 chu kỳ kiểm định)	BQLĐTĐH, Trường/Khoa/Viện, Bộ môn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
Đơn vị đào tạo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành:

Mã ngành:

Trình độ đào tạo:

ST T	Họ tên giảng viên	Học hàm/ học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác	Vai trò
1					Chủ tịch
				<i>Đại diện nhà tuyển dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan</i>	Thành viên
				<i>Chuyên gia phát triển CTĐT và đảm bảo chất lượng giáo dục đại học</i>	Thành viên
				<i>Chuyên gia phát triển CTĐT và đảm bảo chất lượng giáo dục đại học</i>	Thành viên
					Thư ký

Trưởng đơn vị đào tạo

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP
HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*Về việc thống nhất Mục tiêu và Chuẩn đầu ra**
(cấu trúc và nội dung Chương trình đào tạo)

Ngành:

I. Thời gian và địa điểm:

II. Thành phần tham dự: Các thành viên Hội đồng xây dựng Chương trình đào tạo và toàn thể giảng viên ngành

III. Nội dung

1. Tuyên bố lý do

2. Thông qua nội dung

3. Thảo luận các nội dung

(A). Về Mục tiêu đào tạo

- A.1. Mục tiêu chung
- A.2. Mục tiêu cụ thể
- A.3. Ma trận tương thích giữa mục tiêu của chương trình đào tạo (POs) với mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)

(B). Về Chuẩn đầu ra

- B.1. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo
- B.2. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra và mục tiêu của Chương trình đào tạo
- B.3. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam/ Khung năng lực nghề nghiệp (nếu có).

(C). Về cấu trúc và nội dung của CTĐT

- (C.1). Khung chương trình dạy học
- (C.2). Cấu trúc chương trình dạy học
- (C.3). Ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần để đạt được Chuẩn đầu ra CTĐT

4. Kết luận

- Theo các nội dung tại mục 3

Cuộc họp kết thúc lúc..... cùng ngày.

THƯ KÝ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

* Hội đồng XD CTĐT tổ chức họp xác định Mục tiêu và Chuẩn đầu ra CTĐT. Sau khi được phê duyệt của HĐ CM/HĐ KH&ĐT cấp đơn vị thì tiếp tục tổ chức họp về việc xây dựng cấu trúc khung chương trình đào tạo.

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP
HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Về việc Đối sánh Chương trình đào tạo

Ngành:

I. Thời gian và địa điểm:

II. Thành phần tham dự: Các thành viên Hội đồng xây dựng Chương trình đào tạo và toàn thể giảng viên ngành

III. Nội dung

- 1. Tuyên bố lý do**
- 2. Thông qua nội dung**
- 3. Thảo luận các nội dung**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

BẢNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH

A. DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUỐC TẾ

Bảng A.1: Bảng thông tin chung về các CTĐT Quốc tế

STT	Nội dung	(Tên trường quốc tế 1)	(Tên trường quốc tế 2)
1	Quốc gia		
2	Xếp hạng		
3	Chứng nhận kiểm định Trường/Ngành		
4	Tên chương trình đào tạo		
5	Thời gian đào tạo		
6	Khối lượng đào tạo		
7	Bằng cấp		
8	Các chuyên ngành		
9	Mục tiêu đào tạo		
10	Chuẩn đầu ra		
11	Yêu cầu đầu vào		

<i>(Tên trường quốc tế 1)</i>			<i>(Tên trường quốc tế 2)</i>		
Học phần	Số TC	BB/TC	Học phần	Số TC	BB/TC
Tổng số tín chỉ		BB: TC:	Tổng số tín chỉ		BB: TC:

Bảng A.3 Đối sánh khung chương trình đào tạo đại học quốc tế

Trường Đại học Thủ Dầu Một <i>(CTĐT mới)</i>			<i>(Tên trường quốc tế 1)</i>			<i>(Tên trường quốc tế 2)</i>		
Học phần	Số TC	BB/TC	Học phần	Số TC	BB/TC	Học phần	Số TC	BB/TC
Tổng số tín chỉ		BB: TC:	Tổng số tín chỉ		BB: TC:	Tổng số tín chỉ		BB: TC:

(*) **Bảng 1:**

- BB/TC: Bắt buộc/Tự chọn

- Tỷ lệ khối lượng kiến thức chuyên ngành (bao gồm cơ sở ngành, chuyên ngành cần phải đạt tỷ lệ **tương thích từ 60%** đối với CTĐT của các trường quốc tế đang đối sánh).

- Đối sánh khung chương trình đào tạo chỉ cần đối sánh các môn học thuộc khối kiến thức/kỹ năng cơ sở ngành, chuyên ngành, các yêu cầu đặc biệt chung khác (nếu có như công dân toàn cầu, CMCN 4.0, ...).

B. DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRONG NƯỚC

Bảng B.1: Bảng thông tin chung về các CTĐT trong nước

STT	Nội dung	(Tên trường trong nước 1)	(Tên trường trong nước 2)
1	Quốc gia		
2	Xếp hạng		
3	Chứng nhận kiểm định Trường/Ngành		
4	Tên chương trình đào tạo		
5	Thời gian đào tạo		
6	Khối lượng đào tạo		
7	Bằng cấp		
8	Các chuyên ngành		
9	Mục tiêu đào tạo		
10	Chuẩn đầu ra		
11	Yêu cầu đầu vào		

STT	Nội dung	<i>(Tên trường trong nước 1)</i>	<i>(Tên trường trong nước 2)</i>
12	Tổng số tín chỉ chuyên ngành phải hoàn thành (ghi rõ đơn vị đo)		
13	Hình thức giảng dạy		
14	Link tham khảo		
15	Link tham khảo course detail		

Bảng B.2: Bảng thông tin Khung CTĐT trong nước

<i>(Tên trường trong nước 1)</i>			<i>(Tên trường trong nước 2)</i>		
Học phần	Số TC	BB/TC	Học phần	Số TC	BB/TC
Tổng số tín chỉ		BB: TC:	Tổng số tín chỉ		BB: TC:

Bảng B.3: Đối sánh khung chương trình đào tạo đại học trong nước

Trường Đại học Thủ Dầu Một <i>(CTĐT mới)</i>			<i>(Tên trường 1)</i>			<i>(Tên trường 2)</i>		
Học phần	Số TC	BB/TC	Học phần	Số TC	BB/TC	Học phần	Số TC	BB/TC
Tổng số tín chỉ		BB: TC:	Tổng số tín chỉ		BB: TC:	Tổng số tín chỉ		BB: TC:

(*) Bảng 2: Đối sánh khung chương trình đào tạo trong nước thì cần đối sánh đủ để thấy được các ưu điểm của chương trình đào tạo sau khi cải tiến so với trường trong nước

C. NHẬN XÉT:

1. Mức độ tương thích của CTĐT Trường ĐH Thủ Dầu Một với:

- Trường Quốc tế..., %
- Trường Quốc tế..., %
- Trường trong nước..., %
- Trường trong nước..., %

Các đặc điểm phù hợp xu hướng:

-
-

2. Các đặc trưng khác biệt chương trình đào tạo trường ĐH Thủ Dầu Một so với các trường đối sánh:

-
-

Chủ tịch Hội đồng xây dựng CTĐT

Người thực hiện dữ liệu đối sánh

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 20
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

I. THÔNG TIN CHUNG

Ngành đào tạo:

Trình độ đào tạo:

Mã ngành:

Loại hình đào tạo:

Khóa:

II. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo (PO- Program Objectives)

PO1:

PO2:

PO3:

.....

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO - Program Learning Outcomes)

Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có khả năng:	
NĂNG LỰC TỔNG QUÁT (Nhóm môn đại cương, cơ sở ngành sẽ đóng góp hình thành chính PLO này)	
PLO1:	PI1.1 ² :
	...
PLO2:	PI2.1
	...

² PI: Performance Indicator: chỉ báo

NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN (<i>Nhóm môn chuyên ngành sẽ đóng góp hình thành chính các PLO này</i>)	
.....	PI...
	PI...
KỸ NĂNG	
PLO....	PI...
	PI...
NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM	
PLO....	PI...
	PI...
PLO....	PI...
	PI...

3. Ma trận thể hiện sự tương thích giữa Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOx)				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO...
PO1					
PO2					
PO3					
....					

4. Tiêu chí tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

4.1. Tiêu chí tuyển sinh (*chuẩn đầu vào*)

4.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện được quy định tại Quyết định số...../ QĐ-ĐHTDMU

5. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau đại học

5.1. Cơ hội việc làm

Ghi rõ các vị trí việc làm sau tốt nghiệp (ngắn gọn)

5.2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người học có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo chuyên ngành sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) hoặc các chương trình đào tạo đại học, sau đại học khác tương đương.

6. Văn bằng tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ nhận bằng: *Cử nhân/ Kỹ sư/ Kiến trúc sư*

7. Quy trình đào tạo

Quy trình tổ chức đào tạo được thực hiện theo quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ do trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành.

III. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Cấu trúc chương trình đào tạo chung

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Loại học phần			
			BB (...%)	TC (...%)	LT (...%)	TH (...%)
1	Kiến thức giáo dục đại cương	...				
1.1	Kiến thức lý luận chính trị, pháp luật					
1.2	Kiến thức khoa học cơ bản					
1.3	Kiến thức bổ trợ					
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
2.1	Kiến thức cơ sở ngành/liên ngành					
2.2	Kiến thức chuyên ngành					
2.3	Thực tập tốt nghiệp					
2.4	Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp/HP thay thế Khóa luận tốt nghiệp					
3	Tổng số tín chỉ toàn khóa					
Không bao gồm các học phần là điều kiện xét tốt nghiệp gồm Giáo dục thể chất (5 tín chỉ) và Giáo dục quốc phòng-an ninh (8 tín chỉ)						

2. Cấu trúc chương trình đào tạo cụ thể

Số TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Điều kiện		Học kỳ (<i>dự kiến</i>)
		Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học	Song hành		
	Học phần thực tập tốt nghiệp (tập sự nghề nghiệp)								
	Học phần tốt nghiệp								
KHỐI KIẾN THỨC ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP: 13 TC									
1	Giáo dục thể chất (Lý thuyết) (2+0)	2	0	x					1.3
2	Giáo dục thể chất (Thực hành) (0+3)	0	3	x					1.3
3	Giáo dục Quốc phòng an ninh (5+0)	5	0	x					1.3
4	Thực hành Giáo dục quốc phòng an ninh (0+3)	0	3	x					1.3

3. Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ 1.1

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		Học phần học trước	Bắt buộc/ Tự chọn
		LT	TH		

				/tiên quyết /song hành	
1				TQ	BB
2				SH	BB
.....					
Tổng: ... TC (nếu có nhiều học phần tự chọn thì chỉ tính số tín chỉ tối thiểu)					

.....

Học kỳ x.y

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		Học phần học trước /tiên quyết /song hành	Bắt buộc/ Tự chọn
		LT	TH		
1				TQ	BB
2				SH	BB
	<i>Nhóm học phần tự chọn (đặt các học phần theo từng nhóm học phần, đảm bảo tương đương số tín chỉ và tính chất lý thuyết/ thực hành)</i>				TC
3.1					
3.2					
4.1				...	

4.2					
Tổng: ... TC (nếu có nhiều học phần tự chọn thì chỉ tính số tín chỉ tối thiểu)					

4. Mô tả học phần

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
1	Triết học Mác – Lênin	
2	
...	

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR của CTĐT

6. Đề cương chi tiết học phần

Xem Phụ lục I. Đề cương chi tiết học phần

IV. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Xem Phụ lục II. Phương pháp giảng dạy và Kiểm tra đánh giá

V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN LỰC HỖ TRỢ

1. Đội ngũ giảng viên duy trì chương trình đào tạo

Số TT	Họ và tên, năm sinh	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành (ghi trên văn bằng)	Học phần giảng dạy	Giảng viên cơ hữu (GVCH)/ Giảng viên thỉnh giảng (GVTG)
1	Nguyễn Văn A, 1960	TS, 2000	Du lịch	Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt (2+0)	GVCH
...					GVTG

2. Cán bộ quản lý cấp khoa và đội ngũ hỗ trợ

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành (ghi đúng trên văn bằng)	Chức vụ
-------	----------------------	----------------------------------	--	---------

1	Nguyễn Văn A, 1960	TS, 2000	Du lịch	Trưởng khoa/Phó khoa
	Phụ trách Bộ môn
				Chánh văn phòng
				Thư ký

3. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Xem Phụ lục III. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Chương trình thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Thủ Dầu Một về đào tạo đại học theo hình thức tín chỉ.

- Chương trình này được định kỳ rà soát, đánh giá, cải tiến thường xuyên nhằm đáp ứng sự phát triển của ngành và phù hợp với nhu cầu xã hội.

VII. ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Chương trình đào tạo phải thường xuyên được rà soát, đánh giá, cập nhật; kết quả rà soát, đánh giá phải được Trường/Khoa/Viện, Bộ môn áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

- Định kỳ tối thiểu 2 năm một lần, Trưởng Khoa/ Viện quản lý chương trình đào tạo tổ chức rà soát, cập nhật chương trình đào tạo theo Quy định hiện hành của Trường Đại học Thủ Dầu Một và các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đánh giá, đo lường chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trong chu kỳ đào tạo và khi hoàn tất chu kỳ đào tạo theo quy định hiện hành của Trường Đại học Thủ Dầu Một và các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tối đa 5 năm một lần, Trưởng đơn vị chuyên môn quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức rà soát, đánh giá tổng thể chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Trường Đại học Thủ Dầu Một và các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường sau khi chương trình đào tạo được điều chỉnh, cập nhật./.

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN/NGÀNH

HIỆU TRƯỞNG

Phụ lục I**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

.....

Phụ lục II**PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá	PLOx/PIx.y

Phụ lục III**CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

3.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Học phần	Ghi chú
1	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập			
2	Phòng họa thất, vẽ, máy....			
...			

3.2. Học liệu phục vụ thực hiện chương trình đào tạo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Ghi chú

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐH THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

NGÀNH:

1. Thông tin tổng quát

- Tên học phần:	
- Tên tiếng Anh:	
- Mã học phần:	
- E-learning:	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>
Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
- Số tín chỉ:	
+ Số tiết lý thuyết:	
+ Số tiết thực hành:	
- Tự học: tiết	
+ Đọc tài liệu: tiết	
+ Làm bài tập: tiết	
+ Thực hiện project: tiết	
+ Hoạt động khác (nếu có): tiết	
+....	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần

...

3. Mục tiêu học phần (CO - Course Objectives)

CO1:.....

CO2:.....

.....

4. Nguồn học liệu

TT	Tên tác giả	Năm xuất bản	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành
I	Giáo trình chính			
1				

II	Tài liệu tham khảo		
1			
2			
III.	Tài liệu điện tử (nếu có)		
1			

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO-Course Learning Outcomes)

CĐR HP	Nội dung CĐR
CLO1	
CLO2	
CLO3	
....	

6. Mối liên hệ giữa CĐR học phần vào việc đạt được CĐR của CTĐT (PLO/PI)

CLO	PLO và PI				
	PLO1	PLO5	PLO6		
	PI1.3	PI5.1	PI6.1	PI6.2	PI6.3
CLO1			R	R	
CLO2					R
CLO3	R				
CLO4		M			
Tổng hợp số lượng mức độ đóng góp	1	1	1	1	1
Mức I					
Mức R					
Mức M					

Ghi chú: Điền một trong các mức I, R, M hoặc chừa trống (nếu không có sự liên hệ). Đối với các học phần/CLO quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) được chọn lấy dữ liệu đánh giá PLO/PI sẽ bổ sung thêm ký tự A (Assessment) ngay sau mức hỗ trợ I, R, M đã xác định. Ví dụ: M,A hoặc R,A...

(*) Bảng này chỉ liệt kê những PLO/PI mà học phần thực sự có đóng góp hỗ trợ. Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO/PI được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO/PI và ở mức thuần thục/thông hiểu

(**) Ghi mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần (mức I, R, M và A) dựa trên mức độ đóng góp hỗ trợ của các CLO trong việc đạt được PLO/PI ở các cột tương ứng.

7. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá		Trọng số (%)	Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá	CLO	Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Đánh giá quá trình	QT1				
	QT2				
			
Đánh giá cuối kỳ					

Ghi chú:

- (1) Thành phần đánh giá: theo quy định hiện hành của Trường về công tác khảo thí.
- (2) Trọng số của các thành phần đánh giá: theo quy định hiện hành của Trường về công tác khảo thí.
- (3) Hình thức kiểm tra - đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, bài tập lớn, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, đánh giá nhanh trên lớp/đánh giá qua quan sát, ..., phù hợp với nội dung của

CLO. Lưu ý: trong trường hợp có sử dụng công cụ “Phiếu đánh giá theo tiêu chí (rubric)” cần ghi rõ.

(4) Liệt kê ký hiệu các CLO được đánh giá bởi các thành phần đánh giá. Trong trường hợp có nhiều CLO trong một lần đánh giá thì mỗi CLO được liệt kê ở một hàng.

(5) Trong trường hợp một thành phần đánh giá được dùng để đánh giá từ 02 CLO trở lên, giảng viên cần xác định trọng số con của mỗi CLO trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các phần thi/câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn.

(6) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi (sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt PLO/PI), cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trường hợp học phần không có CDR nào phục vụ việc lấy dữ liệu đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

8.1. Kế hoạch tổng thể

Buổi	1	2	3
Hình thức học	Trực tiếp	Trực tiếp	Online trên LMS	Online trên LMS

8.2. Kế hoạch và nội dung chi tiết

Buổi	Nội dung	Hoạt động dạy, học và đánh giá	CLO liên quan
1	Chương 1: 1.1 1.11 1.2 1.2.1 1.2.2	Hoạt động dạy: <i>(nêu tên các phương pháp giảng dạy sử dụng trong từng chương/bài học tương ứng để đạt chuẩn đầu ra)</i> Hoạt động học: <i>(xác định các nội dung người học cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, làm</i>	<i>Liệt kê ký hiệu CLO mà nội dung chương/bài học có mối liên hệ và</i>

	(Ghi rõ chi tiết tên chương/bài và các nội hàm chi tiết của chương/bài)	<i>việc nhóm để giải quyết bài tập, làm dự án ...); cũng như các hoạt động tại lớp (nghe giảng, ghi chép, thảo luận nhóm, làm bài tập, trả lời câu hỏi...).</i>	<i>đóng góp cho việc đạt được CLO đó</i>
		Hoạt động đánh giá: <i>(liệt kê hoạt động kiểm tra đánh giá (nếu có))</i>	
2			
...			

9. Yêu cầu đối với học phần

9.1. Đối với sinh viên

- Giờ tự học: Ngoài giờ lên lớp theo thời khóa biểu, sinh viên sẽ phải đầu tư ... giờ tự học/ tín chỉ lý thuyết và thực hành như:

+ Chuẩn bị bài học trước giờ học; Đọc tài liệu tham khảo; Xem xét và củng cố bài học sau giờ học

+ Nghiên cứu, làm bài tập, làm việc nhóm ...

+ Hoàn tất nhật ký việc tự học.

+ Thực hiện các bài yêu cầu trên E- learning

- Sinh viên dự lớp đầy đủ, nếu vắng quá số tiết sẽ không được dự kiểm tra cuối kỳ.

- Làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.

- Sinh viên vắng vào buổi kiểm tra quá trình không có lý do sẽ nhận 0 điểm.

9.2. Đối với giảng viên

- Giảng viên chuyên tải đầy đủ khối lượng kiến thức của chương trình môn học, lên lớp đủ số giờ dạy theo quy định.

- Cung cấp đầy đủ thông tin, yêu cầu học tập và yêu cầu đánh giá, tài liệu cho sinh viên

- Theo dõi, đánh giá quá trình học tập của sinh viên khách quan và công bằng.

10. Giảng viên phụ trách học phần

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Thông tin liên hệ	Ghi chú

Mỗi học phần bố trí tối thiểu 02 giảng viên phụ trách

11. Phiên bản chỉnh sửa

Phiên bản	Nội dung chỉnh sửa	Người phụ trách chỉnh sửa
Lần ..., ngày	

PHỤ TRÁCH BỘ MÔN/NGÀNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Phụ lục
RUBRICS BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (Thang điểm 10)

Đề xây dựng các Rubrics bài kiểm tra, đánh giá, giảng viên tham khảo BẢNG PHÂN BỐ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TƯƠNG ỨNG VỚI THANG ĐO NĂNG LỰC CỦA BLOOM trong Quy định về khảo thí, đo lường kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một

1. Đánh giá thường xuyên

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Xuất sắc (8.5-10 điểm)	Khá, giỏi (6.5-8.0 điểm)	Đạt (5.0-6.0 điểm)	Yếu (3.0-4.5 điểm)	Kém (0-2.5 điểm)	TRỌNG SỐ
Chuyên cần	Tham dự từ trên 90% buổi học	Tham dự từ 85%-90% buổi học	Tham dự từ 75%-85% buổi học	Tham dự từ 70%-75% buổi học	Tham dự dưới 70% buổi học	
Đóng góp tại lớp	Tham gia khá đầy đủ các hoạt động trên lớp (từ 80% trở lên), phát biểu xây dựng bài học rất tích cực.	Tham gia tương đối đầy đủ các hoạt động trên lớp (từ 65% trở lên), phát biểu xây dựng bài học tích cực.	Tham gia chưa đầy đủ các hoạt động trên lớp (từ 45% trở lên), phát biểu xây dựng bài học tương	Ít tham gia các các hoạt động trên lớp (dưới 45%), phát biểu xây dựng bài học chưa tích cực, chưa hiệu quả.	Rất ít hoặc không tham gia các hoạt động trên lớp (dưới 15%) không phát biểu xây dựng bài học.	

			đổi tích cực.			
Điểm tổng						

2. Rubrics đánh giá kỹ năng làm việc nhóm
 3. Rubrics đánh giá kỹ năng thuyết trình
 4. Rubrics đánh giá bài tiểu luận/ bài tập lớn/ bài tập thực hành
 5. Rubrics đánh giá tự học
-

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT

Danh sách Hội đồng Thẩm định Chương trình đào tạo*

Ngành: _____, Mã ngành: _____

ST T	Họ tên giảng viên	Học hàm/ học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác	Vai trò	Thông tin liên hệ
1					Chủ tịch	
2					Phản biện 1	
3					Phản biện 2	
4					Thành viên	
5					Thư ký	

Trưởng đơn vị

* Yêu cầu về số lượng, thành phần của Hội đồng thẩm định CTĐT thực hiện theo quy định tại Điều 18, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày tháng năm

PHIẾU THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo:

Mã số:

Trình độ đào tạo:

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định:

Vai trò trong Hội đồng thẩm định:

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét	Kết luận (đáp ứng \ không đáp ứng yêu cầu)
1	Mục tiêu của chương trình đào tạo		
2	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo		
3	Cấu trúc và thời lượng chương trình đào tạo (cần làm rõ): - Sự hợp lý của các khối kiến thức trong CTĐT đáp ứng sự tương thích với nội dung của các mục tiêu đưa ra? , - Thời lượng của chương trình đào tạo		
4	Nội dung của chương trình đào tạo - Khối lượng kiến thức chung, cơ sở ngành, chuyên ngành đáp ứng sự tương thích với nội dung của các mục tiêu đưa ra? - Thời lượng của các học phần?		
5	Đề cương chi tiết học phần		

❖ **Ý kiến khác:**

❖ **Kết luận chung:** (trong đó cần khẳng định đạt yêu cầu hay chưa, những nội dung cần bổ sung chỉnh sửa,) ...

Thành viên Hội đồng thẩm định

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP
THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: , **Mã ngành:**

I. Thời gian và địa điểm

1. Thời gian: giờ, ngày tháng năm 2024
2. Địa điểm:

II. Thành phần tham dự:

1. Các thành viên Hội đồng Thẩm định Chương trình đào tạo, theo Quyết định số..... :
 - Chủ tịch
 - Phản biện 1
 - Phản biện 2
 - Ủy viên
 - Thư ký
2. Các thành phần khác

III. Nội dung

1. Tuyên bố lý do

- Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do, phổ biến quy trình làm việc của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo.
- Thư ký đọc Quyết định thành lập Hội đồng

2. Báo cáo tóm tắt quá trình xây dựng CTĐT

Đại diện Hội đồng xây dựng Chương trình đào tạo báo cáo tóm tắt quá trình xây dựng và cấu trúc nội dung chương trình đào tạo trình độ đại học ngành.....

- Tên ngành:
- Mã ngành:
- Khung chương trình đào tạo:

TT	Khôi kiến thức	Số tín chỉ	Loại học phần			
			BB (...%)	TC (...%)	LT (...%)	TH (...%)
1	Kiến thức giáo dục đại cương	...				
1.1	Kiến thức lý luận chính trị, pháp luật					
1.2	Kiến thức khoa học cơ bản					
1.3	Kiến thức bổ trợ					

2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
2.1	Kiến thức cơ sở ngành/liên ngành					
2.2	Kiến thức chuyên ngành					
2.3	Thực tập tốt nghiệp					
2.4	Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp/HP thay thế Khóa luận tốt nghiệp					
3	Tổng số tín chỉ toàn khóa					
Không bao gồm các học phần là điều kiện xét tốt nghiệp gồm Giáo dục thể chất (5 tín chỉ) và Giáo dục quốc phòng-an ninh (8 tín chỉ)						

3. Ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định và thảo luận

- Các phản biện đọc nhận xét
- Các thành viên khác của Hội đồng và các bên liên quan có tham dự đặt câu hỏi
- Đại diện Hội đồng xây dựng CTĐT trả lời, giải trình

4. Kết quả kiểm phiếu và kết luận của Hội đồng thẩm định

4.1. Hội đồng thẩm định họp riêng, thảo luận và bỏ phiếu quyết định

- Số phiếu phát ra:
- Số phiếu thu về:
- Số phiếu “đạt - không chỉnh sửa”: phiếu
- Số phiếu “đạt - có chỉnh sửa”: phiếu
- Số phiếu “không đạt”:

4.2. Kết luận của Hội đồng

Kết luận làm rõ một trong các nội dung sau:

- Hội đồng thông qua chương trình đào tạo, không cần chỉnh sửa
- hoặc Hội đồng thông qua chương trình đào tạo nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung
- hoặc Hội đồng không thông qua chương trình đào tạo và nêu lý do không thông qua

Phiên họp kết thúc lúc..... cùng ngày.

Chủ tịch Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thư ký Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****BÁO CÁO****Giải trình chỉnh sửa theo góp ý của
Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành**

Ngày ... tháng.... năm, Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành..... đã tổ chức thẩm định Chương trình đào tạo.

Theo góp ý của Hội đồng thẩm định, Hội đồng xây dựng Chương trình đào tạo đã tiếp thu, bổ sung và chỉnh sửa các nội dung theo góp ý, cụ thể như sau:

STT	Nội dung Hội đồng thẩm định góp ý	Nội dung chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng	Lý giải

**Xác nhận của
Chủ tịch Hội đồng thẩm định CTĐT**

Hội đồng xây dựng CTĐT

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH:	
TÊN TIẾNG ANH:	
MÃ SỐ NGÀNH:	
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO:	
KHOA QUẢN LÝ:	

NĂM 202...

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHTDM ngày tháng năm 20.....
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. THÔNG TIN CHUNG

- Tên chương trình: ...
- Đơn vị cấp bằng: Trường ...
- Tên bằng cấp: (Tiếng Việt)
- Mã ngành đào tạo: ...
- Hình thức học tập: ...
- Thời gian đào tạo: ... năm

2. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TÂM NHÌN VÀ SỨ MẠNG

2.1. Triết lý giáo dục

2.2. Tâm nhìn

2.3. Sứ mạng

3. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mục tiêu chương trình đào tạo (PO- Program Objectives)

PO1:

PO2:

PO3:

3.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO - Program Learning Outcomes)

Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có khả năng:

NĂNG LỰC TỔNG QUÁT (Nhóm môn đại cương, cơ sở ngành sẽ đóng góp hình thành chính PLO này)

PLO1:	<i>PI1.1⁴:</i>
	...
PLO2:	<i>PI2.1</i>
	...
NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN (<i>Nhóm môn chuyên ngành sẽ đóng góp hình thành chính các PLO này</i>)	
.....	<i>PI...</i>
	<i>PI...</i>
KỸ NĂNG	
PLO....	<i>PI...</i>
	<i>PI...</i>
NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM	
PLO....	<i>PI...</i>
	<i>PI...</i>
PLO....	<i>PI...</i>
	<i>PI...</i>

3.3. Ma trận thể hiện sự tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình đào tạo

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mục tiêu của CTĐT (PO)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO...
PO1					
PO2					

⁴ PI: Performance Indicator: chỉ báo

PO3					
....					

3.4. Ma trận thể hiện sự tương thích CDR CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các khung năng lực nghề nghiệp khác (nếu có)

Chuẩn đầu ra của CTĐT		Khung trình độ Quốc gia theo QĐ 1982/QĐ-TTg
PLO1:	PI1.1:	<i>(Ghi rõ nội dung, ví dụ: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.)</i>
	PI1.2:	
	
....		

Lập Bảng tương tự cho khung năng lực nghề nghiệp (nếu có)

4. CƠ HỘI VIỆC LÀM VÀ KHẢ NĂNG HỌC TẬP SAU ĐẠI HỌC

4.1. Cơ hội việc làm

-

4.2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người học có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo chuyên ngành sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) hoặc các chương trình đào tạo đại học, sau đại học khác tương đương.

5. TIÊU CHÍ TUYỂN SINH VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Tiêu chí tuyển sinh

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc chương trình đào tạo chung

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Loại học phần			
			BB (...%)	TC (...%)	LT (...%)	TH (...%)
1	Kiến thức giáo dục đại cương	...				
1.1	Kiến thức lý luận chính trị, pháp luật					
1.2	Kiến thức khoa học cơ bản					
1.3	Kiến thức bổ trợ					
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
2.1	Kiến thức cơ sở ngành/liên ngành					
2.2	Kiến thức chuyên ngành					
2.3	Thực tập tốt nghiệp					
2.4	Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp/HP thay thế Khóa luận tốt nghiệp					
3	Tổng số tín chỉ toàn khóa					
Không bao gồm các học phần là điều kiện xét tốt nghiệp gồm Giáo dục thể chất (5 tín chỉ) và Giáo dục quốc phòng-an ninh (8 tín chỉ)						

6.2. Cấu trúc chương trình đào tạo cụ thể

Số TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
		Lý thuyết	Thực hành	Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học	Song hành	
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG:TC (Bắt buộc:TC; Tự chọn:.....TC)									
Kiến thức chung								
1	Pháp luật đại cương (2+0)	2	0	x					1.1
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học (3+0)	3	0	x					1.2
3	Triết học Mác - Lênin (3+0)	3	0	x					1.2
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2+0)	2	0	x					2.1
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2+0)	2	0	x					2.2

Số TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Điều kiện		Học kỳ (<i>dự kiến</i>)
		Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học	Song hành		
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh (2+0)	2	0	x				3.1	
7	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2+0)	2	0	x				3.2	
Kiến thức khoa học cơ bản								
1.1		2	0						
1.2		2	0						
2.1									
2.2									
...									
Kiến thức bổ trợ								
1									
2									
....									
KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP: ..TC (Bắt buộc:TC; Tự chọn:.....TC)									
Kiến thức cơ sở ngành/liên ngành								
<i>I</i>	<i>Nhóm HP bắt buộc</i>								
1									
...									
<i>II</i>	<i>Nhóm HP tự chọn (SV chọn tối thiểu ... tín chỉ)</i>								
1								<i>Nhóm</i>	
...								<i>HP TC</i>	
Kiến thức chuyên ngành									

Số TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Điều kiện		Học kỳ (<i>dự kiến</i>)
		Lý thuyết	Thực hành	Thí nghiệm	Bắt buộc	Tự chọn	Học	Song hành	
KHỐI KIẾN THỨC ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP: 13 TC									
1	Giáo dục thể chất (Lý thuyết) (2+0)	2	0	x					1.3
2	Giáo dục thể chất (Thực hành) (0+3)	0	3	x					1.3
3	Giáo dục Quốc phòng an ninh (5+0)	5	0	x					1.3
4	Thực hành Giáo dục quốc phòng an ninh (0+3)	0	3	x					1.3

6.3. Kế hoạch đào tạo cụ thể

Học kỳ 1.1

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		Học phần học trước /tiên quyết /song hành	Bắt buộc/ Tự chọn
		LT	TH		
1				TQ	BB
2				SH	BB
.....					
Tổng: ... TC (nếu có nhiều học phần tự chọn thì chỉ tính số tín chỉ tối thiểu)					

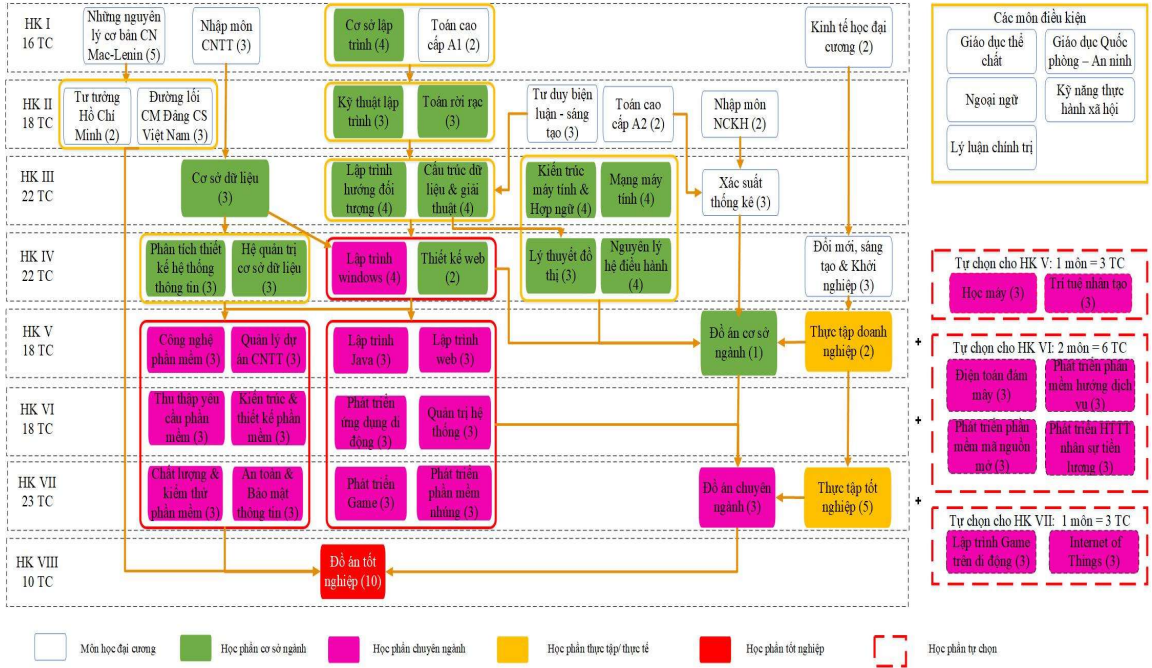
.....

Học kỳ x.y

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		Học phần học trước /tiên quyết /song hành	Bắt buộc/ Tự chọn
		LT	TH		
1				TQ	BB
2				SH	BB
	<i>Nhóm học phần tự chọn (đặt các học phần theo từng nhóm học phần, đảm bảo tương đương số tín chỉ và tính chất lý thuyết/ thực hành)</i>				TC
3.1					
3.2					
Tổng: ... TC (nếu có nhiều học phần tự chọn thì chỉ tính số tín chỉ tối thiểu)					

6.4. Sơ đồ cây chương trình đào tạo (danh sách các học phần được hệ thống hóa theo các khối kiến thức và trình tự học)

(ví dụ minh họa từ Chương trình kỹ thuật phần mềm)



6.5. Mô tả các học phần

STT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
1	Triết học Mác – Lênin	
2	
...	

6.7. Chương trình đào tạo đối sánh

(đưa phần đối sánh CTĐT theo biểu mẫu 03)

6.8. Đề cương chi tiết các học phần

(Phụ lục đính kèm)

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, HỌC TẬP VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Tên học phần	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá	PLOx/ PIx.y

8. CÁC DOANH NGHIỆP ĐỐI TÁC, MOU

Tên doanh nghiệp/MOU	Địa chỉ

9. CỤU SINH VIÊN TIÊU BIỂU

Tên sinh viên	Khóa	Tên công ty
...		
...		

10. CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

10.1. Hoạt động trải nghiệm

- Gặp mặt đầu năm.
- Lễ nhập môn.
- Họp mặt đầu năm, mời chuyên gia thuộc các lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau chia sẻ về ngành nghề, nhu cầu và yêu cầu tuyển dụng.
- Seminar với chuyên gia chia sẻ yêu cầu nhà tuyển dụng, giúp sinh viên xác định kỹ năng cần thiết của các lĩnh vực nghề nghiệp, hướng dẫn sinh viên kế hoạch bồi dưỡng kỹ năng.

- Seminar hướng dẫn sinh viên tìm hiểu hồ sơ xin việc, viết CV, thư giới thiệu, thư cảm ơn.

- Seminar hướng nghiệp: Tìm hiểu kế hoạch của sinh viên sau khi tốt nghiệp, lĩnh vực/vị trí việc làm mong muốn, định hướng lĩnh vực thực tập và tốt nghiệp; định hướng lĩnh vực thực tập – tốt nghiệp và nơi thực tập cho sinh viên; Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về vị trí công việc muốn ứng tuyển, mô tả yêu cầu công việc, lập kế hoạch để bổ sung các kỹ năng/ kinh nghiệm nhằm đạt được yêu cầu công việc.

- Các buổi sinh hoạt học thuật với các chuyên gia trong và ngoài nước.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thảo, tham gia các kỳ thi, giải thưởng

.....

10.2. Hoạt động dịch vụ, phục vụ cộng đồng

- Hiến máu nhân đạo

- Xuân tình nguyện

- Mùa hè xanh...

- Giao lưu, trao đổi sinh viên....

.....

11. CÁC THÔNG TIN HỖ TRỢ KHÁC

- Cán bộ quản lý cấp khoa/ viện, chương trình đào tạo và đội ngũ hỗ trợ

TT	Họ và tên, ngày sinh	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành (ghi đúng trên văn bằng)	Chức vụ
1	Nguyễn Văn A, 1960	TS, 2000	Du lịch	Trưởng đơn vị
	Phụ trách Bộ môn
				Chánh văn phòng
				Thư ký

12. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BẢN MÔ TẢ

Gợi ý viết: Bản mô tả CTĐT này là tài liệu cung cấp toàn bộ các thông tin về CTĐT.....Bản mô tả giúp sinh viên có nguyện vọng học tại Trường hiểu về CTĐT.....; là nguồn cung cấp thông tin cho nhà tuyển dụng/các bên liên quan về kiến thức, kỹ năng, năng tự chủ và trách nhiệm thông qua chương trình; là cơ sở để CTĐT....thu thập các thông tin phản hồi để cải tiến CTĐT nhằm nâng cao khả năng đạt được chuẩn đầu của chương trình đồng thời là tài liệu giúp Nhà Trường rà soát các hoạt động nội bộ và

giám sát các hoạt động của CTĐT. Để biết thêm chi tiết về nội dung CTĐT, hãy liên hệ trực tiếp..... để chương trình hỗ trợ.

13. ĐIỀU CHỈNH VÀ CẬP NHẬT

Phiên bản	Người phụ trách chỉnh sửa
Lần ..., ngày ...	
TRƯỞNG ĐƠN VỊ	PHỤ TRÁCH BỘ MÔN/NGÀNH

HIỆU TRƯỞNG